

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

VIỆC SỬ DỤNG THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT TRONG *TRUYỆN KIỀU* CỦA NGUYỄN DU

ĐỖ THỊ THU HƯƠNG*

TÓM TẮT: Bài viết phân tích cách thức sử dụng thành ngữ trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Có thể khẳng định, số lượng thành ngữ trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được sử dụng khá nhiều (259 thành ngữ/3254 câu thơ). Các thành ngữ được sử dụng theo nhiều cách thức khác nhau với các dạng hằng thể, nguyên thể và biến thể. Cả thành ngữ thuần Việt và thành ngữ Hán Việt đều được Nguyễn Du vận dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn trong tác phẩm của mình. Từ việc khảo sát nghệ thuật sử dụng thành ngữ của Nguyễn Du, có thể thấy, khi tham gia hoạt động giao tiếp, cách thành ngữ không phải là một khối đông cứng, bất động mà chúng luôn biến đổi mềm dẻo, uyển chuyển phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.

TỪ KHÓA: thành ngữ; *Truyện Kiều*; nguyên thể; biến thể; sử dụng.

NHẬN BÀI: 10/4/2017. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 15/8/2017

1. Đặt vấn đề

Ra đời cách chúng ta hơn hai thế kỉ nhưng ngày nay *Truyện Kiều* vẫn giữ được sức sống mãnh liệt trong lòng quần chúng nhân dân. Tính đến nay, *Truyện Kiều* đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới như tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức,...Như thế để thấy, không chỉ có người Việt Nam yêu mến *Truyện Kiều* mà rất nhiều độc giả nước ngoài cũng bị hấp dẫn bởi tác phẩm này. Có sức hút mạnh mẽ như vậy là bởi *Truyện Kiều* không chỉ thành công về mặt nội dung mà còn đạt đến những thành tựu nghệ thuật đặc sắc, đặc biệt trên phương diện ngôn ngữ. Một trong những yếu tố tạo nên sức hút của tác phẩm này chính là nghệ thuật sử dụng thành ngữ.

2. Bức tranh thành ngữ trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du

2.1 Nhận xét chung

Có thể nói, ít có tác phẩm nào mà tỉ lệ xuất hiện của thành ngữ lại đậm đặc như trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Qua khảo sát và thống kê, chúng tôi nhận thấy, trong tổng số 3254 câu thơ *Kiều* có tới 259 thành ngữ. Như vậy, tính trung bình cứ 12,5 câu thơ lại có một thành ngữ được sử dụng. Bằng ngòi bút tài hoa của mình, Nguyễn Du đã khai thác và vận dụng linh hoạt, tài tình vốn thành ngữ của dân tộc, chính điều đó làm cho *Truyện Kiều* mang đậm đà bản sắc văn hóa Việt Nam, gần gũi với lời ăn tiếng nói của con người Việt Nam.

Trước hết, có thể khẳng định, bức tranh thành ngữ trong *Truyện Kiều* rất sinh động, đa dạng, nhiều màu sắc. Các thành ngữ được sử dụng theo nhiều cách thức khác nhau, khi thì chúng được sử dụng nguyên thể, có lúc lại được dùng dưới dạng biến thể. Đặc biệt, cả thành ngữ thuần Việt và thành ngữ Hán Việt đều cùng xuất hiện trong tác phẩm của ông. Trong đó, các thành ngữ thuần Việt chiếm tỉ lệ áp đảo (khoảng 88,8%) so với thành ngữ Hán Việt (chiếm 11,2%). Mỗi thành ngữ đều được Nguyễn Du sử dụng phù hợp với từng nhân vật, từng tình huống cụ thể và đặc biệt là phù hợp với âm điệu của thể thơ lục bát.

Dưới đây chúng tôi sẽ phân tích chi tiết hơn về cách sử dụng thành ngữ của ông qua các phương thức sử dụng thành ngữ.

2.2. Các phương thức sử dụng thành ngữ trong tác phẩm *Truyện Kiều*

2.2.1. Dùng thành ngữ dạng nguyên thể

Theo thống kê của chúng tôi, có 25 thành ngữ Hán Việt (9,6%) và 202 thành ngữ thuần Việt (79,8%) được sử dụng ở dạng nguyên thể.

Trước hết đối với thành ngữ Hán Việt dạng nguyên thể. Như chúng ta biết, thành ngữ Hán Việt là những thành ngữ có nguồn gốc từ tiếng Hán. Chúng chủ yếu là những thành ngữ 4 âm tiết, có cấu trúc đẳng đối, cân xứng. Thêm vào đó, loại thành ngữ này thường mang sắc thái biểu cảm trang trọng, tao nhã. Vì vậy, sử dụng loại thành ngữ này trong thể thơ lục bát đòi hỏi phải rất thận trọng, nghiêm cẩn. Trong Truyện Kiều, ta thấy Nguyễn Du sử dụng thành ngữ Hán Việt dạng nguyên thể rất linh hoạt, vừa phù hợp với ý nghĩa câu thơ, vừa đảm bảo được niêm luật. Thành ngữ Hán Việt khi thì xuất hiện đầu câu thơ:

Ba quân đông mặt pháp trường/Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi [2395-2396]

Khi thì chen vào giữa câu thơ:

Vấy vùng trong bấy nhiêu niên/Làm nên động địa kinh thiên ùng ùng [2923-2924]

Lúc lại ở cuối câu:

Tắc lòng cô quốc tha hương/Đường kia nổi nọ ngồn ngang bời bời [2245-2246]

Một điểm cũng dễ nhận thấy là các thành ngữ Hán Việt trong Truyện Kiều phần lớn là những thành ngữ khá quen thuộc, gần gũi với lời ăn tiếng nói của người Việt. Đó là những thành ngữ như: *hồng nhan bạc mệnh, tài tử giai nhân, hào hoa phong nhã, quốc sắc thiên hương, hồng nhan bạc mệnh, tử biệt sinh li, hồng diệp xích thằng, thanh thiên bạch nhật, hiểu trọng tình thâm,...*

Bên cạnh thành ngữ Hán Việt nguyên thể, các thành ngữ thuần Việt nguyên thể xuất hiện với một số lượng rất lớn (202 thành ngữ). Hầu hết những thành ngữ này đều là những thành ngữ có giá trị biểu trưng cao, kết cấu bền vững, giá trị biểu đạt sâu sắc. Có thể nêu một vài nhận xét về cách sử dụng thành ngữ thuần Việt của Nguyễn Du như sau:

Phần lớn các thành ngữ thuần Việt nguyên thể được sử dụng đều có cấu trúc đối xứng, thuộc hai dạng chủ yếu sau:

Dạng thứ nhất: **AxBY**. Ví dụ:

Liệu mà xa chạy cao bay/Ái ân ta có ngân này mà thôi [1971-1972]

Bấy giờ kẻ ngược người xuôi/Biết bao giờ lại nói lời nước non [1973-1974]

Dạng thứ hai: **AxAy**. Ví dụ:

Đà đao lập sẵn chước dung/Lạ gì một cốt một đồng xưa nay [1161-1162]

Duyên em dù nói chi hồng/May ra khi đã tay bằng tay mang [2243-2244]

Đặc biệt, loại thành ngữ cấu trúc **AxAy** xuất hiện khá phong phú trong Truyện Kiều. Qua thống kê, chúng tôi nhận thấy có 16 thành ngữ thuộc cấu trúc này, chẳng hạn: *một hội một thuyền* (câu 202), *bước thấp bước cao* (câu 1128), *kẻ nhất kẻ khoan* (câu 1153), *một cốt một đồng* (câu 1162), *giấu ngược giấu xuôi* (câu 1513), *chén tạc chén thù* (câu 1835), *bắt khoan bắt nhất* (câu 1837), *giọt dài giọt ngắn* (câu 1842), *một vực một trời* (câu 1877), *tay bằng tay mang* (câu 2244),...

Có thể khẳng định, nghệ thuật sử dụng thành ngữ thuần Việt nguyên thể chính là một trong những nét đặc sắc về phương diện ngôn ngữ Truyện Kiều. Như chúng ta biết, thành ngữ thuần Việt là bộ phận ngôn ngữ tiêu biểu, kết tinh những nét đẹp trong lời ăn tiếng nói của người Việt. Tính cụ thể, sinh động, hình ảnh trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt được bộc lộ rõ trong đơn vị này. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng bộ phận thành

ngữ này khá tinh tế. Viết về tình cảm say đắm giữa Thúy Kiều và Kim Trọng, ông dùng thành ngữ *đầu mày cuối mắt*:

Hương hoa càng tỏ thức nồng/Đầu mày cuối mắt càng nồng tâm yêu [497-498]

Hay lời nhắn nhủ của Thúy Kiều về một lối sống:

Phải điều ăn xối ở thì/Tiết trăm năm lỡ bỏ đi một ngày [509-510]

Có thể dẫn thêm một loạt các thành ngữ như *vạ gió tai bay* (câu 616), *đổi trắng thay đen* (câu 690), *bạc như vôi* (câu 753), *rụng cái rơi kim* (câu 769), *bèo nổi mây chìm* (câu 770), *mạt của mướp đắng* (câu 812), *đánh lận con đen* (câu 839), *dơ dáng đại hình* (câu 1357), *ngựa ghè hờn ghen* (câu 1609), *mèo má gà đồng* (câu 1731),...

2.2.2. Dùng thành ngữ dạng biến thể

Trong sáng tác của mình, Nguyễn Du không chỉ sử dụng thành ngữ dạng nguyên thể mà ông còn sử dụng nhiều thành ngữ dạng biến thể. Dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Du, các thành ngữ gốc đã xuất hiện thêm nhiều biến thể mới, với những hình thức mới, làm cho bức tranh thành ngữ trong sáng tác của ông thêm phần phong phú, sinh động. Số lượng các thành ngữ biến thể được sử dụng trong tác phẩm tuy không nhiều (59/259 thành ngữ), song qua cách sử dụng thành ngữ biến thể, một lần nữa người đọc lại thấy được cái tài tình, linh hoạt, biến hóa khôn lường của ngòi bút Nguyễn Du khi sử dụng vốn thành ngữ dân gian. Dù là thành ngữ thuần Việt hay thành ngữ Hán Việt, qua bàn tay sáng tạo của ông, các thành ngữ dường như được thổi vào một sức sống mới, linh hồn mới. Chẳng hạn, thành ngữ *hồng diệp xích thằng* được ông sử dụng rất linh hoạt. Có khi ông chỉ mượn ý:

Thâm nghiêm kín cổng cao tường/Cạn dòng lá thắm, đứt đường chim xanh [267-268]

Có khi ông sử dụng biến thể dịch nghĩa:

Dù khi lá thắm chỉ hồng/Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha [334-335]

Có khi được ông lại dùng dạng nguyên thể:

Nàng rằng hồng diệp xích thằng/Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri [459-460]

Viết về cuộc đời trầm luân lưu lạc của Thúy Kiều, Nguyễn Du dùng thành ngữ thuần Việt *hoa trôi bèo giạt* (câu 219). Chỉ với một thành ngữ gốc này, Nguyễn Du đã tạo nên 4 biến thể khác nhau, có khi là *bèo nổi mây chìm* (câu 770), hay *trôi hoa giạt bèo* (câu 2812); lúc lại có hình thức là *mây trôi bèo nổi* (câu 2902), lúc lại là *bèo trôi sóng vỗ* (câu 3020)... Mỗi lần xuất hiện, các thành ngữ lại chứa đựng sắc thái ý nghĩa và sắc thái biểu cảm khác nhau.

Trong [3], chúng tôi đã đề cập đến 6 kiểu biến thể thành ngữ, đó là biến thể ngữ âm, biến thể thành ngữ bằng cách thay đổi trật tự thành tố cấu tạo, biến thể thành ngữ bằng cách rút gọn hoặc mở rộng, biến thể thành ngữ do dịch nghĩa thành ngữ Hán, biến thể thành ngữ có thành tố cấu tạo được thay thế bằng từ đồng nghĩa, biến thể thành ngữ có thành tố cấu tạo được thay thế bằng từ cùng trường nghĩa. Tuy nhiên, trong Truyện Kiều, chúng tôi nhận thấy có các kiểu biến thể sau đây:

Dạng biến thể thứ nhất: Thay thế thành tố cấu tạo của thành ngữ gốc bằng cách từ gần nghĩa, cùng nghĩa hoặc cùng trường nghĩa. Chúng tôi đã thống kê được 19 thành ngữ biến thể kiểu này. Cùng một thành ngữ *hồn xiêu phách lạc*, Nguyễn Du có thể tạo tới ba biến thể khác nhau:

Sinh đà phách lạc hồn xiêu/Thương ôi chẳng phải nàng Kiều ở đây [1823-1824]

Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu/Khấu đầu dưới trướng lựa điều kêu ca [2394-2365]

Máu rơi thịt nát tan tành/Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời [2389-2390]

Ba thành ngữ nói trên khác nhau về sắc thái ý nghĩa. Ở biến thể thứ nhất, *phách lạc hồn xiêu* có nghĩa là sợ quá mà hồn giạt đi đâu, phách lạc đi đâu mất [5]. Thành ngữ này diễn tả nỗi sợ hãi của Thúc Sinh khi bắt gặp Thúy Kiều trong nhà mình, là hoa nô của Hoạn Thư. Ngỡ ngàng khi thấy Thúy Kiều xuất hiện trong nhà mình, Thúc Sinh hiểu rằng, sự thật bấy lâu mà mình cố tính che giấu giờ đã vỡ lở. Hơn ai hết, Thúc Sinh cũng hiểu rằng sự trả thù của Hoạn Thư ghê gớm biết nhường nào. Trước tình cảnh éo le ấy, chàng Thúc chỉ còn biết khóc *Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa*. Mới chỉ hình dung ra cơn giận dữ của Hoạn Thư, Thúc Sinh đã sợ đến mức *phách lạc hồn xiêu*. Dùng thành ngữ *phách lạc hồn xiêu* để miêu tả nỗi sợ hãi của Thúc Sinh là hoàn toàn phù hợp với tính cách hèn nhát, nhu nhược của nhân vật này.

Biến thể thứ hai, *hồn lạc phách xiêu*. Biến thể này được tạo ra bằng cách hoán đổi vị trí các thành tố trong thành ngữ gốc. Nhờ vậy, mức độ sợ hãi do thành ngữ này diễn tả dường như tăng lên. Như chúng ta biết, sau khi chiến thắng trở về, Từ Hải đã giúp Thúy Kiều báo ân báo oán. Những kẻ đã từng gây ra tội ác với nàng được đưa đến để chịu hình phạt thích đáng, trong số đó có Hoạn Thư. Đứng trước vành móng ngựa, Hoạn Thư run rẩy, sợ hãi: *“Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu”*. Biến thể thành ngữ *hồn lạc phách xiêu* đã miêu tả chính xác nỗi sợ hãi, run rẩy của Hoạn Thư khi bị Thúy Kiều hỏi tội.

Cũng trong cảnh báo ân báo oán, Nguyễn Du sử dụng tiếp biến thể thứ ba, là thành ngữ *hồn kinh phách rời*. Các yếu tố *lạc, xiêu* trong thành ngữ gốc được Nguyễn Du thay thế bằng các yếu tố *kinh, rời* để tạo nên thành ngữ *hồn kinh phách rời*. Bằng cách thay thế như vậy, thành ngữ này đã diễn tả nỗi sợ hãi tột độ của những kẻ đã từng gây ra tội ác với Thúy Kiều. Những người giúp đỡ nàng đã được nàng trả ơn xứng đáng, ngược lại, những kẻ ác độc, gây ra bao nỗi oan trái cho đời nàng cũng bị trừng trị thích đáng:

Máu rơi thịt nát tan tành/Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời [2389-2390]

Như vậy, ba biến thể *phách lạc hồn xiêu, hồn lạc phách xiêu, hồn kinh phách rời* được Nguyễn Du sử dụng phù hợp với từng hoàn cảnh, từng nhân vật. Cách dùng thành ngữ như vậy rõ ràng là rất đặc địa.

Tương tự, thành ngữ *hoa trôi bèo nổi* được thay thế bằng *mây trôi bèo nổi*:

Thoát buồn về, thoát bán đi/Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi [2901-2902]

Hay *nhạt phấn phai hương* được thay thế bằng *lạt phấn phai hương*:

Rời ra lạt phấn phai hương?/Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng? [1337-1338]

Dạng biến thể thứ hai: Tách hai vế của thành ngữ, kết hợp với chêm xen. Đây cũng là một trong những cách sử dụng thành ngữ khá phổ biến trong Truyện Kiều. Ví dụ:

Nàng rằng non nước xa khơi/Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm [1505-1506]

Những là e ấp dùng dằng/Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi [1579-1580]

Phần lớn các thành ngữ được tách đều là những thành ngữ có 4 âm tiết, có tính đối xứng. Nhờ vậy, khi tách, các thành ngữ vẫn giữ được tính chất cân xứng, nhịp nhàng, đồng thời còn khiến câu thơ mang âm hưởng ca dao, dân ca.

Kiểu biến thể này tuy xuất hiện không nhiều song chứng cho thấy khả năng sử dụng thành ngữ rất linh hoạt, nhuần nhuyễn của Nguyễn Du.

Dạng biến thể thứ 3: Mượn ý của thành ngữ. Đây cũng là một phương diện thể hiện tài năng sử dụng thành ngữ bậc thầy của Nguyễn Du. Ta bắt gặp trong nhiều câu thơ Kiều dấu ấn của các thành ngữ tiếng Việt. Chẳng hạn cụm từ, *đau như dằm* và *rối như tơ vò* đã được Nguyễn Du mượn ý và rút gọn hai thành ngữ này trong một câu thơ:

Ôm lòng đòi đoạn xa gần/Chẳng vò mà rối chẳng dằm mà đau [1251-1252]

Vẫn là cụm từ *rối như tơ vò* nhưng trong câu thơ dưới đây, Nguyễn Du lại biến hóa thành:

Càng trông mặt càng ngăn ngại/Ruột tầm đòi đoạn như tơ rối bời [1819-1820]

Hay thành ngữ Hán Việt *kinh cung chi điệu* được diễn tả kín đáo, tế nhị trong câu:

Thiếp như con én lạc đàn/Phải cung rày đã sợ làn cây cong [2117-2118]

Dạng biến thể thứ 4: Đảo trật tự hai vế của thành ngữ. Kiểu biến thể này xuất hiện không nhiều, ví dụ:

Thương tình con trẻ ngầy thơ/Gặp cơn vạ gió tai bay bất kì [615-616]

3. Thay lời kết

Xuất hiện với số lượng lớn trong Truyện Kiều, các thành ngữ tiếng Việt có giá trị tu từ học rất lớn. Trước hết, việc sử dụng thành ngữ có giá trị biểu đạt nội dung tư tưởng của tác phẩm, góp phần miêu tả đặc điểm ngoại hình, tính cách, số phận của nhân vật; đồng thời góp phần tố cáo hiện thực xã hội đương thời. Bên cạnh đó, các thành ngữ còn mang lại những giá trị nghệ thuật đặc sắc cho tác phẩm.

Qua việc khảo sát nghệ thuật sử dụng thành ngữ trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du, chúng tôi rút ra kết luận: Trong hoạt động hành chức, các thành ngữ thường không phải là một khối đông cứng, bất định mà chúng luôn biến đổi một cách linh hoạt, mềm dẻo, từ đó sản sinh ra rất nhiều các biến thể khác từ một thành ngữ ban đầu (thành ngữ gốc hay thành ngữ nguyên thể). Hệ thống thành ngữ tiếng Việt, nhờ vậy càng ngày càng phong phú hơn, đa dạng hơn và cũng giàu sức sống hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (1997), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Hoàng Văn Hành (2008), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Đỗ Thị Thu Hương (2013), *Nguồn gốc hình thành và đặc điểm cấu trúc, ngữ nghĩa của thành ngữ thuần Việt*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn.
4. Nguyễn Lực, Lương Văn Đang (1978), *Thành ngữ tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
5. Hoàng Phê (1992) (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội.

NGUỒN TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

Nguyễn Du (1996), *Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục.

Abstract: This paper analyses how idioms are used in *Truyen Kieu* of Nguyen Du. Idioms are used with high frequency (259 idioms/3254 line of poetry), both in original forms and in variant forms. Pure Vietnamese idioms and Sino-Vietnamese idioms are both used flexibly and properly. The findings reveal that idioms are not rigid blocks; instead they are always flexible to communication contexts.

Key words: idioms; *Truyen Kieu*; infinitive form; variant form; use.